

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2018/HS-PT

Ngày 01-02-2018

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Trần Thị Thu Hà

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Văn Thiêm

Ông Cao Văn Tuấn.

**- Thư ký phiên toà:** Bà Vũ Thị Hằng - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Hoa Đào - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 05/2018/TLPT-HS ngày 12 tháng 01 năm 2018 đối với bị cáo Bùi Văn V và đồng phạm do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 138/2017/HSST ngày 12 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện TN, thành phố Hải Phòng.

*Bị cáo có kháng cáo:*

**Bùi Văn V**, sinh ngày 28 tháng 02 năm 1990 tại Hải Phòng

Nơi cư trú: Số 233 LTK, phường PBC, quận HB, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: V Nam; con ông Bùi Văn V1, sinh năm 1960 và bà Bùi Thị T, sinh năm 1968; có vợ là Phạm Thị Thu H, sinh năm 1991; có 01 con, sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số 02/2009/HSPT ngày 15/01/2009 Tòa án nhân dân tối cao xử 05 năm tù về tội “Cướp tài sản” (đã xóa án tích); bị bắt và tạm giữ từ ngày 05/01/2017 đến ngày 14/01/2017 chuyển tạm giam. Có mặt.

*Bị cáo không có kháng cáo:*

**Bùi Văn K**, sinh ngày 16 tháng 9 năm 1994 tại Hải Phòng

Nơi cư trú: Thôn 7, xã HT, huyện TN, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn D, sinh năm 1972 và bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1975; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị

bắt và tạm giữ từ ngày 05/01/2017 đến ngày 14/01/2017 chuyển tạm giam. Vắng mặt do Tòa án không triệu tập.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 04 giờ 30 phút ngày 04/01/2017, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an huyện TN kết hợp với Công an xã TĐ kiểm tra phòng 201 quán Karaoke NA tại thôn M, xã TĐ, huyện TN, thành phố Hải Phòng do Nguyễn Thị H3, sinh năm 1987 trú tại: Phố M, xã PN, huyện TN, thành phố Hải Phòng làm chủ, đã phát hiện có 11 đối tượng đang sử dụng trái phép chất ma túy gồm: Bùi Văn V; Bùi Văn K; Đoàn Văn T1, sinh năm 1987, trú tại: Xã NL, huyện TN, thành phố Hải Phòng; Lê Quý Đ, sinh năm 1987, trú tại: Xã QT, huyện TN, thành phố Hải Phòng; Phan Quang H2, sinh năm 1984, trú tại: Thị trấn NĐ, huyện TN, thành phố Hải Phòng; Đoàn Thị Hoài M, sinh ngày 06/02/2002 (14 tuổi 10 tháng 28 ngày), trú tại: Xã TT, huyện TN, thành phố Hải Phòng; Dương Thị T2, sinh ngày 13/01/2000 (16 tuổi 11 tháng 21 ngày), trú tại: Xã PL, huyện TN, thành phố Hải Phòng; Đinh Thị P, sinh ngày 14/10/2000 (16 tuổi 02 tháng 20 ngày), trú tại: Xã PL1, huyện TN, thành phố Hải Phòng; Đinh Thị Kim O, sinh ngày 12/8/2000 (16 tuổi 04 tháng 22 ngày), trú tại: Xã PL1, huyện TN, thành phố Hải Phòng; Đinh Thị N, sinh năm 1998, trú tại: Xã PL1, huyện TN, thành phố Hải Phòng; Bàn Thị L, sinh ngày 1998, trú tại: Xã TD, huyện TN, thành phố Hải Phòng. Ngoài ra, Cơ quan công an còn đưa các đối tượng Nguyễn Thị H3 (chủ quán); Đỗ Đăng Đ1, sinh năm 1991, trú tại: Xã KG, huyện TN, thành phố Hải Phòng (nhân viên bảo vệ trông coi quán); Đỗ Văn T3, sinh năm 1981, trú tại: Xã LX, huyện TN, thành phố Hải Phòng (nhân viên bảo vệ trông coi quán); Vũ Thị H3, sinh ngày 12/01/2000 (16 tuổi 11 tháng 22 ngày), trú tại: Xã PL1, huyện TN, thành phố Hải Phòng (là nhân viên của quán), Cao Thị N1, sinh ngày 09/10/2001 (15 tuổi 02 tháng 25 ngày), trú tại: Xã NL, huyện TN, thành phố Hải Phòng (là nhân viên của quán) về trụ sở Công an xã TĐ lập biên bản vụ việc.

Quá trình bắt giữ, Cơ quan Công an thu trong phòng 201: 01 túi tự cuốn bằng tờ tiền Polyme mệnh giá 10.000 đồng được cuộn thành ống, hai đầu túi được bọc bằng vỏ túi thuốc lá màu vàng bên trong có bám dính chất bột màu trắng nghi là ma túy (mẫu số 03); 01 đĩa sứ hình bầu dục màu trắng thu giữ tại hành lang tầng 2 trước cửa phòng 201 (mẫu số 01).

Tiến hành khám xét khẩn cấp quán Karaoke NA, Cơ quan Công an thu giữ: 01 thẻ nhựa cứng (loại thẻ K+) tại thùng rác ở khu vực vệ sinh tầng 3 có bám dính tạp chất (mẫu số 04); 01 đĩa sứ trên chạn rửa bát nhà bếp tầng 1 có bám dính tạp chất (mẫu số 02), 01 túi nylon bám dính tạp chất màu vàng tại sọt rác nhà vệ sinh nữ tầng 1 (mẫu số 06); 01 túi nylon bên trong 01 đoạn điều thuốc cuộn màu trắng và 04 đầu lọc cùng các sợi thuốc tại góc tường bên phải phòng 202 tầng 2 (mẫu số 05).

Tại Bản kết luận giám định số 380/PC54(MT) ngày 05/01/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng kết luận: 01 tẩu tự cuốn bằng tờ tiền polyme mệnh giá 10.000 đồng được cuộn thành ống có dấu vết chất Ketamine; 01 túi nylon bên trong 01 đoạn điều thuốc cuộn màu trắng và 04 đầu lọc cùng các sợi thuốc có Delta-9-tetrahydricannabinol là hoạt chất có trong cây Cần sa; 01 túi nylon có dấu vết chất MDMA và Methamphetamine, đều không đủ để xác định trọng lượng chất ma túy. Không tìm dấu vết chất ma túy trong mẫu số 01, 02, 04.

Tiến hành giám định thành phần nước tiểu của các đối tượng: Bùi Văn V, Bùi Văn K, Dương Thị T2, Đinh Thị P, Đinh Thị N, Đinh Thị Kim O, Phan Quang H2, Đoàn Thị Hoài M, Bàn Thị L, Đoàn Văn T1, Lê Quý Đ đều dương tính với các chất ma túy. Cụ thể: Bùi Văn K dương tính với MDMA, Methamphetamine, Ketamine và Cần sa; Bùi Văn V, Lê Quý Đ đều dương tính với MDMA, Methamphetamine; Đinh Thị P, Đoàn Văn T1, Bàn Thị L, Dương Thị T2, Phan Quang H2 đều dương tính với MDMA, Methamphetamine, Ketamine; Đinh Thị Kim O, Đoàn Thị Hoài M dương tính với Ketamine; Đinh Thị N dương tính với MDMA, Ketamine.

Kết quả xác minh tại các cơ quan chuyên môn đã xác định: V, K, T2, P, N, O, M, L, T1, Đ đều không phải là người nghiện ma túy; Phan Quang H2 là người nghiện ma túy.

Tại Cơ quan điều tra, Bùi Văn V và Bùi Văn K khai nhận: Do có quan hệ bạn bè nên khoảng 23 giờ 45 phút ngày 03/01/2017, V, T1 và Đ đến phòng 201 quán Karaoke NA hát karaoke. Khoảng 30 phút sau thì K (là bạn của Đ), H2 (là bạn của T1) và một đôi nam một nữ (chưa xác định được căn cước, lai lịch) vào hát cùng. Nguyễn Thị H3 là chủ quán đã gọi 06 nhân viên nữ gồm M, T2, P, L, N, O vào hát và uống bia cùng với nhóm của V. Sắp xếp nhân viên xong, H3 ngồi uống bia cùng nhóm V một lúc rồi đi ngủ. H3 không biết việc nhóm của V và các nhân viên sử dụng ma túy tại phòng hát. Một lát sau, V lấy 01 túi thuốc lắc và 01 túi Ketamine từ trong túi quần bên phải đang mặc ra. V để túi Ketamine xuống bàn trong phòng hát, còn cầm túi thuốc lắc chia cho T1, H2, M, T2, N, L, O, P (mỗi người 01 viên). V không đưa thuốc lắc cho K, Đ và đôi nam nữ trên. K được người nam giới trên đưa cho một viên thuốc lắc nhưng K không sử dụng, K cất trong túi quần. Còn những người khác được V chia thuốc lắc đã uống hết. Sau đó, V lấy một đĩa sứ, đổ Ketamine ra để mọi người cùng sử dụng. Người nữ giới đưa cho người nam giới (một đôi nam, nữ ở trên) 01 chiếc thẻ cứng (loại thẻ ATM) để đảo ma túy và chia thành nhiều đường thẳng cho mọi người sử dụng. Cả nhóm sử dụng hết lượt ma túy này thì đôi nam nữ trên đi về trước (mang theo thẻ ATM đi). Do không có dụng cụ để kẻ Ketamine nên K đã nói *“Em nào kiểm cho anh cái thẻ để anh kẻ Ke”*. Nghe thấy vậy, M đi xuống hỏi Đỗ Đăng Đ1 (là nhân viên bảo vệ đang trông quán ở tầng 1) mượn chiếc thẻ nhựa từ đầu K<sup>+</sup>. M không nói cho Đ1 biết mượn thẻ để sử dụng ma túy. M cầm thẻ đưa cho K để K đảo và chia ma túy thành 02 đường thẳng, rồi đưa cho H2 và N sử dụng bằng tẩu tự cuốn. Sau khi H2 và N sử dụng

xong, T2 tiếp tục đảo và kẻ ma túy thành 04 đường thẳng, T2 sử dụng hết 02 đường ma túy rồi để đĩa xuống bàn thì P, M, O sử dụng hết 02 đường ma túy còn lại bằng cách hít trực tiếp vào mũi. Sau đó, P tiếp tục đảo và kẻ ma túy cho bản thân sử dụng. Cả bọn vừa sử dụng xong thì bị cơ quan Công an kiểm tra phát hiện, thu giữ vật chứng như nội dung nêu trên. Quá trình bắt giữ, các đối tượng bỏ chạy, tẩu tán vật chứng. K ném viên thuốc lắc cát giấu trong túi quần xuống bồn vệ sinh.

Về nguồn gốc ma túy, V khai do người nam giới vào phòng 201 cùng với K mang đến. Người này đưa cho V túi nylon trong có nhiều viên ma túy tổng hợp và bảo V lát nữa phát cho mọi người trong phòng sử dụng. V đồng ý và cất túi nylon chứa ma túy này vào trong người. Còn túi nylon trong có Ketamine thì người này để trên bàn trong phòng hát. Cơ quan Công an tiến hành cho V đối chất với những người khác. Kết quả các bên đều giữ nguyên lời khai.

Về lý do khi kiểm tra thành phần nước tiểu của K có nhiều loại ma túy, K khai trước đó đã sử dụng ở nơi khác.

Tại Cơ quan điều tra, các đối tượng Đào Văn T1, Lê Quý Đ, Phan Quang H2, Đoàn Thị Hoài M, Dương Thị T2, Đinh Thị P, Đinh Thị Kim O, Đinh Thị N, Bàn Thị L khai như nội dung nêu trên. M và O khai: cả hai đều nhìn thấy T2 kẻ ma túy để sử dụng cho bản thân rồi đưa cho P sử dụng tiếp. Sau khi P sử dụng ma túy xong thì M và O sử dụng. Tuy nhiên cả T2 và P đều khai sau khi T2 sử dụng ma túy xong thì để đĩa Ketamine xuống bàn, P tự lấy đĩa chứa Ketamine trên sử dụng cho bản thân. Cơ quan Công an tiến hành cho M, O đối chất với T2. Kết quả các bên đều giữ nguyên lời khai.

Tại Cơ quan điều tra, các đối tượng Nguyễn Thị H3, Đỗ Đăng Đ1, Đỗ Văn T3, Vũ Thị H3, Cao Thị N1 khai phù hợp với nội dung nêu trên. H3 gọi các nhân viên đến quán uống bia với nhóm của V, H3 có ngồi lại uống một vài cốc bia. Sau đó đi ngủ, H3 không biết việc V, K cùng mọi người sử dụng ma túy tại quán của mình. Đ1 và T3 là nhân viên bảo vệ làm nhiệm vụ trông xe và tài sản khác của quán. H3 và N1 là nhân viên phục vụ của quán đang ở tầng 1. Đ1, T3, H3, N1 đều không biết V, K và mọi người sử dụng ma túy tại phòng 201.

Tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo và những người làm chứng giữ nguyên lời khai như tại Cơ quan điều tra. Viện kiểm sát nhân dân huyện TN giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Bùi Văn V về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm b, c khoản 2 Điều 197 Bộ luật Hình sự năm 1999; bị cáo Bùi Văn K về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, đề nghị xử phạt: Bùi Văn V từ 10 đến 11 năm tù; bị cáo Bùi Văn K từ 08 đến 09 năm tù.

Tại Bản án sơ thẩm số 138/2017/HSST ngày 12/12/2017, Tòa án nhân dân huyện TN, thành phố Hải Phòng: Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 197; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999 đối với bị cáo Bùi Văn V; Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 197; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều

53 Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo: Bùi Văn V 11 (Mười một) năm tù; bị cáo Bùi Văn K 09 (Chín) năm tù.

Ngoài ra, còn quyết định tuyên nghĩa vụ nộp án phí, xử lý vật chứng và quyền kháng cáo Bản án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 18/12/2017 bị cáo Bùi Văn V kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Đơn kháng cáo trong hạn luật định nên được cấp phúc thẩm xem xét giải quyết.

*Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Bùi Văn V trình bày:* Bị cáo vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội bị cáo là đúng, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo vì Tòa án cấp sơ thẩm xử bị cáo với mức án 11 năm tù là quá nặng. Mặt khác, bị cáo có bác ruột T4 là liệt sỹ chống Pháp.

*Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau:*

Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Bùi Văn V về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm b, c khoản 2 Điều 197 Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng vai trò, nhân thân của bị cáo; các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Mặc dù, tại giai đoạn xét xử phúc thẩm bị cáo Bùi Văn V, Bùi Văn K không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới. Tuy nhiên, hành vi của các bị cáo có mức độ nên Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo Bùi Văn V 11 năm tù và Bùi Văn K 09 năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” có phần nghiêm khắc, chưa phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo.

Do các bị cáo Bùi Văn V và Bùi Văn K có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không có tình tiết tăng nặng nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo Bùi Văn V: Giảm hình phạt cho bị cáo, đồng thời giảm một phần hình phạt cho cả bị cáo không kháng cáo Bùi Văn K.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Bùi Văn V khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với lời khai của bị cáo Bùi Văn K, người làm chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện:

Do có quan hệ bạn bè nên khoảng 23 giờ 45 phút ngày 03/01/2017, Bùi Văn V, Đoàn Văn T1 và Lê Quý Đ đến phòng 201 quán Karaoke NA hát Karaoke. Khoảng 30 phút sau thì Bùi Văn K, Phan Quang H2 và 01 đôi nam nữ (chưa xác định được căn cước, lai lịch) vào hát cùng. Tại đây, V đã lấy 01 túi thuốc lắc và 01

túi Ketamine ra và cầm túi thuốc lắc chia cho Đoàn Văn T1, Phan Quang H2, Đoàn Thị Hoài M, Dương Thị T2, Đinh Thị N, Bàn Thị L, Đinh Thị Kim O, Đinh Thị P (là những người ngồi hát cùng, mỗi người một viên). V tiếp tục lấy một đĩa sứ, đồ Katamine ra để mọi người cùng sử dụng. Do không có dụng cụ để kẻ Ketamine nên K đã nói “em nào kiếm cho anh cái thẻ để kẻ Ke”. M đã mượn thẻ nhựa đầu từ K<sup>+</sup> từ nhân viên bảo vệ về đưa cho K. K đã đảo và chia ma túy thành 02 đường thẳng rồi đưa cho H2 và N sử dụng bằng tẩu tự cuốn. Tiếp theo là T2, P, M, O sử dụng. Chính vì, bị cáo V và K đã thực hiện hành vi tổ chức đưa trái phép chất ma túy vào cơ thể của nhiều người nên Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Bùi Văn V phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm b, c khoản 2 Điều 197 Bộ luật Hình sự; bị cáo Bùi Văn K phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 197 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2]. Tính chất vụ án là rất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo không những đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý chất ma túy của Nhà nước, mà còn xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội, trật tự công cộng, gây tâm lý bức xúc trong quần chúng nhân dân nên cần xét xử nghiêm.

[3]. Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng vai trò, nhân thân của bị cáo; các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo V, K khai báo thành khẩn. Bị cáo V có bố để được tặng thưởng Huy chương chiến sỹ vẻ vang, bị cáo K là quân nhân xuất ngũ và có ông nội được tặng thưởng huân chương kháng chiến nên các bị cáo V, K đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Trong vụ án này bị cáo V giữ vai trò chính, bị cáo là người cung cấp ma túy, chuẩn bị dụng cụ để đưa trái phép chất ma túy vào cơ thể của T1, H2, M, T2, N, L, O và P, bị cáo có nhân thân không tốt. Bị cáo Bùi Văn K phạm tội với vai trò đồng phạm giúp sức bằng cách đảo và kẻ ma túy rồi đưa cho H2, N sử dụng. Do đó mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo V phải cao hơn so với bị cáo K là đúng.

Mặc khác, tại giai đoạn xét xử phúc thẩm bị cáo K không kháng cáo, không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới. Bị cáo Bùi Văn V khai có bác ruột T4 là liệt sỹ chống Pháp (toàn bộ giấy tờ đã bị mất chỉ có xác nhận của chính quyền địa phương), mẹ bị cáo có đơn đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo vì bố bị cáo bị tai biến, mẹ bị bệnh tim. Mặc dù, đây chỉ là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 nhưng cũng cần xem xét tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo để quyết định mức hình phạt tương xứng. Các bị cáo Bùi Văn V và Bùi Văn K có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự nên mức hình phạt 11 năm tù đối với bị cáo Bùi Văn V, 09 năm tù đối với bị cáo Bùi Văn K có phần nghiêm khắc, chưa phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo. Để đảm bảo công bằng pháp luật cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo Bùi Văn V. Mặc dù bị cáo Bùi Văn K không kháng cáo nhưng vẫn giảm nhẹ một phần trách

nhiệm hình sự cho bị cáo mới thỏa đáng, chấp nhận lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật nên Hội đồng xét xử không xét.

Các bị cáo không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1, khoản 3 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự: Sửa bản án sơ thẩm và giảm hình phạt cho các bị cáo Bùi Văn V và Bùi Văn K.

Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 197; Điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999 (đối với bị cáo Bùi Văn V);

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 197; Điểm p khoản 1; khoản 2 Điều 46; Điều 53 Bộ luật Hình sự (đối với bị cáo Bùi Văn K),

*Xử phạt:*

- **Bùi Văn V** 10 (Mười) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05/01/2017.

- **Bùi Văn K** 08 (Tám) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05/01/2017.

2. *Về án phí:* Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án tuyên: Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

#### **Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND TPHP;
- VKSND cấp sơ thẩm;
- PV27 Công an TPHP;
- Công an cấp sơ thẩm;
- Tòa án cấp sơ thẩm;
- Trại tạm giam;
- Sở Tư pháp TP;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Thu Hà**